TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH HÀ GIANG** Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST Ngày: 21 - 3- 2019 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Mùng Thị Hiền
2. Ông: Vũ Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Q, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q *tham gia phiên toà:* Ông Hồ Lỷ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/02/ 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 12/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thi M; sinh năm: 1973; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Dao. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn M; sinh năm: 1972; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Dao. Có mặt

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/02/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Triệu Thi M trình bày:

Chị và anh Triệu Văn M tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới hỏi vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang đến khoảng đầu năm 1998 thì giữa hai vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu về rồi chửi bới, đánh đập chị, thương các con còn quá nhỏ chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh M không hiểu lại càng đánh đập, hành hạ chị nhiều hơn, mâu thuẫn vợ chồng được thôn giải quyết nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn đến năm 2010 không thể chịu đựng thêm được nữa, chị M đã đi ở nhờ nhà chị gái một thời gian rồi đi làm thuê và để có thời gian cho anh M suy nghĩ và nhìn nhận lại, nhưng cũng kể từ đó anh M không hề quan tâm hỏi thăm chia sẻ với chị mà còn đến gặp rồi gây sự, đánh đập. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh M.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung là: Triệu Quý V, sinh ngày 29-4-1995, Triệu Thu V, sinh ngày 24-7-1997, Triệu Thu T, sinh ngày 27-7-2001, Triệu Thu Đ, sinh ngày 20-10-2005. Hai cháu Triệu Quý V và Triệu Thu V đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Thu Đ, sinh ngày 20-10-2005 và giao cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Thu T, sinh ngày 27-7-2001, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị và anh M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/02/2019, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Triệu Văn M trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị M về việc vợ chồng anh tự nguyện chung sống và cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 1993, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Nay chị M xin ly hôn anh cũng nhất trí vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm và không thể hàn gắn lại được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị M.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 04 con chung tên là: Triệu Quý V, sinh ngày 29-4-1995, Triệu Thu V, sinh ngày 24-7-1997, Triệu Thu T, sinh ngày 27-7-2001, Triệu Thu Đ, sinh ngày 20-10-2005. Hai cháu Triệu Quý V và Triệu Thu V đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình. còn hai con chưa đến tuổi trưởng thành như chị M trình bày anh M cũng nhất trí, khi ly hôn sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Triệu Thu T, sinh ngày 27-7-2001, còn cháu Triệu Thu Đ, sinh ngày 20-10-2005 chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh M, chị M tự thỏa thuận về tài sản chung, công nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q:

+ *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng chức năng của mình, tiến hành lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng đúng thời hạn quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự, hợp tác tốt với Tòa án, cung cấp tài liệu, chứng cứ và có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

+ *Quan điểm giải quyết vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014, không công nhận chị Triệu Thi M và anh Triệu Văn M là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 15; khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Triệu Thu Đ, sinh ngày 20-10-2005 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Thu T, sinh ngày 27-7-2001 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị M, anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Triệu Thi M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Triệu Thi M có đơn yêu cầu ly hôn anh Triệu Văn M, cư trú tại huyện Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thi M và anh Triệu Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu về rồi chửi bới, đánh đập chị, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được chị M đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Triệu Văn M, anh M nhất trí ly hôn với chị M. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình để áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thi M và anh Triệu Văn M.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị M và anh M có 04 con chung là: Triệu Quý V, sinh ngày 29-4-1995, Triệu Thu V, sinh ngày 24-7-1997, Triệu Thu T, sinh ngày 27-7-2001, Triệu Thu Đ, sinh ngày 20-10-2005. Đối với hai con là Triệu Quý V và Triệu Thu V đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng. Trên cơ sở ý kiến của chị M, anh M; nguyện vọng của các cháu Triệu Thu T và Triệu Thu Đ. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Triệu Thu Đ, sinh ngày 20-10-2005 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Triệu Thu T, sinh ngày 27-7-2001 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị M, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị M, anh M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Triệu Thi M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thi M và anh Triệu Văn M.

Về con chung: Giao cháu Triệu Thu Đ sinh ngày 20-10-2005 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Triệu Thu T, sinh ngày 27-7-2001 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị M, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Triệu Thi M phải chịu 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q là 300.000^{đ}, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 05026 ngày 27/02/2019, chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADA huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận